

Bản án số: 51/2022/HSST
Ngày 29-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH HÀ PHÚ THỌ

- Thành hà phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức N, sinh năm 1981, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Đức C (đã chết); con bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1986 và 02 người con; con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Đức N 27.000.000đồng về tội Đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/02/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C,

tỉnh Phú Thọ (có mặt).

(Tại danh chỉ bản số 071 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 23/02/2022).

2. Nguyễn Đình M, sinh năm 1986, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Địch K, sinh năm 1963; con bà Trần Thị N, sinh năm 1962. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 và 02 người con; con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2022, áp dụng dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/02/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

(Tại danh chỉ bản số 075 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 23/02/2022).

3. Nguyễn Địch Q, sinh năm 1987, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Địch T (đã chết); con bà Trần Thị M, sinh năm 1957. Bị cáo có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1989 và 04 người con; con lớn nhất sinh năm 2009; con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2022, áp dụng dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/02/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

(Tại danh chỉ bản số 073 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 23/02/2022).

4. Nguyễn Địch T, sinh năm 1985, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu G, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1948; con bà Lê Thị T, sinh năm 1947. Bị cáo có vợ là Đình Thị Y (đã ly hôn) và 02 người con;

con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2022, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/02/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

(Tại danh chỉ bản số 074 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 23/02/2022).

5. Nguyễn Định N, sinh năm 1992, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con Nguyễn Định H, sinh năm 1966; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/02/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

(Tại danh chỉ bản số 072 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 23/02/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/02/2022; Nguyễn Định T, Nguyễn Đình M, Nguyễn Định Q, Nguyễn Định N đến nhà Nguyễn Đức N ở khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ chơi. Tại đây, T, M, Q, N và N đã rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh Liêng sát phạt nhau bằng tiền, mỗi ván góp gà 20.000 đồng, ai tố cao hơn thì tùy nhưng không quá 100.000 đồng, tất cả đều đồng ý. N là người lấy 01 chiếu trải ra nền bếp để các đối tượng ngồi đánh bạc, Q là người lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà N, sau đó các đối tượng trên cùng nhau đánh bạc; các bị cáo đánh bạc đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ kiểm tra bắt quả tang. Tại thời điểm kiểm tra, N và N đã bỏ chạy, đến ngày 23/02/2022, Nguyễn Đức N và Nguyễn Định N đến Công an huyện Cẩm Khê đầu thú và khai nhận hành vi vi phạm của mình.

Vật chứng thu giữ:

Thu tại chiều bạc 52 Q bài tú lơ khở; 01 chiều và số tiền 5.370.000đồng. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm giữ đối với Nguyễn Địch T, Nguyễn Đình M và Nguyễn Địch Q.

Ngày 23/02/2022, Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn N đến cơ quan Công an huyện Cẩm Khê đầu thú và khai nhận hành vi vi phạm của bản thân.

Hình thức đánh liêng là người cầm cái sử dụng 52 Q bài tú lơ khở chia cho mỗi người 03 Q bài, quy định Q A đến Q 9 là từ 1 đến 9 điểm; Q 10, j, q, k là 0 điểm; chất rô là lớn nhất, tiếp theo là chất cơ, tép, bích; sau đó từng người lên bài, sau khi lên bài xong, người chia bài sẽ được tổ đầu tiên, nếu không có ai tố hoặc theo thì tất cả thua và mất số tiền đã cược cho người tố, nếu có người tố hoặc theo thì sau đó so bài, ai được sấp lớn nhất (tức là có 03 Q bài giống nhau) thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, đồng thời mỗi người trả thêm 80.000đồng, nếu ai được 3 Q bài liên tiếp cùng chất lớn nhất (liêng đồng hoa) thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, đồng thời mỗi người chơi trả thêm 40.000đồng, nếu ai được liêng lớn nhất thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi, nếu không có người nào liêng hoặc sấp thì tính điểm, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm, bằng điểm nhau tính chất, lớn nhất là chất rô, sau đó đến chất cơ, chất tép và chất bích, ai có chất cao nhất thì thắng bạc và được tất cả số tiền của những người chơi. Ván đầu tiên Q là người chia bài.

Trước khi tham gia đánh bạc, T có 1.000.000đồng, M có 1.580.000đồng, Q có 1.600.000đồng, N có 600.000đồng và N có 590.000đồng, tất cả số tiền các bị cáo có đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.370.000đồng.

Các đối tượng thỏa thuận không phải nộp tiền hồ cho ai và cũng không ai yêu cầu nộp tiền hồ.

Quá trình đánh bạc còn có Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1977; ở cùng khu g, xã V đến xem nhưng không tham gia đánh bạc

Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa, T, Q, M, N và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm phạm tội; vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 33/CT -VKSCK ngày 20/5/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Địch T, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch Q và Nguyễn Địch N đều phạm tội Đánh bạc.

Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị.

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình M; Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Dịch N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 09 đến 12 tháng tù.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình M; Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dịch N từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Trừ cho bị cáo Nguyễn Đình M, Nguyễn Dịch T và Nguyễn Dịch Q 03 ngày tạm giữ (từ ngày 20/02/2022 đến ngày 23/02/2022) quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao để giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình M; Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q và Nguyễn Dịch N cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Đình M; Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q và Nguyễn Dịch N mức 5% thu nhập bình Q đầu người hàng tháng tại địa phương xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ của các bị cáo là $3.175.000\text{đồng} \times 5\% = 159.000\text{đồng/tháng}$.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Đức N; Nguyễn Đình M; Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q và Nguyễn Dịch N.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 52 Q bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Tịch thu toàn bộ số tiền 5.370.000đồng các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 20 phút ngày 20/02/2022, tại nhà Nguyễn Đức N ở khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Địch T, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch N và Nguyễn Đức N đã có hành vi đánh bạc, hình thức đánh Liêng sát phạt nhau bằng tiền, đến 17 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện bắt quả tang. Trong đó Nguyễn Địch Q có 1.600.000đồng; Nguyễn Đình M có 1.580.000đồng; Nguyễn Địch T có 1.000.000đồng; Nguyễn Đức N có 600.000đồng và Nguyễn Địch N có 590.000đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.370.000đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đủ định lượng để cấu thành tội “Đánh bạc”.

Như vậy, bản cáo trạng số 33/CT-VKSCK ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn

Địch T, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch N và Nguyễn Đức N phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định như sau: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lỗi cố ý, mức độ phạm tội là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm trật tự quản lý xã hội được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Địch T, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức N và bị cáo Nguyễn Địch N: Ngay khi bị phát hiện hành vi phạm tội ngày 20/02/2022, các bị cáo đã bỏ trốn đến 23/02/2022 thì bị cáo N và bị cáo N ra đầu thú tại Công an huyện Cẩm Khê giúp cho việc điều tra kết thúc vụ án được thuận lợi, nên cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức N: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, bị cáo đã bị xử phạt số tiền 27.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức N bị xử phạt

hình phạt tiền, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Địch T, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch N có nhân thân tốt; bị cáo Nguyễn Đức N có nhân thân xấu.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội; căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Đức N; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Địch T, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch N, để đảm bảo phân hóa tội phạm, mới có ý nghĩa trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa trong xã hội.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:*

Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng*”.

Xét thấy: Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. *Về khấu trừ thu nhập:*

Khoảng 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định: “*Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án*”.

Xét thấy: Cần phải khấu trừ thu nhập mức 5%/tháng đối với bị cáo Q, M, T và N là cần thiết.

[7]. *Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:*

Vật chứng thu giữ gồm 52 Q bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu không còn giá trị sử dụng nên phải tịch thu để tiêu hủy.

Số tiền 5.370.000đồng là tiền các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên phải tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

[8]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q, Nguyễn Đình M.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Dịch N.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Dịch T, Nguyễn Dịch Q, Nguyễn Đình M và Nguyễn Dịch N phạm tội “Đánh bạc”:

2. Về hình phạt áp dụng:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo N đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dịch Q 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dịch T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Dịch N 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Trừ cho các bị cáo Nguyễn Dịch Q, Nguyễn Đình M và Nguyễn Dịch T 03 (Ba) ngày tạm giữ (từ ngày 20/02/2022 đến ngày 23/02/2022), quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Q, M, T và N tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao để giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Dịch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Dịch T và Nguyễn Dịch N cho Ủy ban nhân dân xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt, các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ

cộng đồng theo quy định người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập hàng tháng số tiền 159.000đ (Một trăm năm mươi chín nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch T và Nguyễn Địch N.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 của Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 52 Q bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu không còn giá trị sử dụng nên phải tịch thu để tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 5.370.000đ (Năm triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 23/5/2022).

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Địch Q, Nguyễn Đình M, Nguyễn Địch T và Nguyễn Địch N; mỗi bị cáo đều phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng